CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 20 HÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						*499 052*	*245 527*	*253 525*			
I		CẢNG CHÍNH						68 522	33 754	34 768			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						*43 080*	*33 754*	*9 326*			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	16/06	1008/06		VIỆT THUẬN 235-02	CÁM 6A.1	25 000	22 833	2 167	19/6		TTCO:22.833,38
2		ĐẠM HÀ BẮC	14/06	999/06	30/06	TĐ 68-TT	CÁM 4A.1	2 270	2 243	27	19/6	TD	
3		CROMIT THANH HOÁ	11/06	988/06	26/6	CHÍ THÀNH 69	CÁM 5A.1	3 250	3 237	13	19/6	PTCB	
4		COALIMEX	14/06	998/06	30/06	BN 1309	CỤC XÔ 1C	1 000	815	185	DỞ	TD	
5		ĐẠM NINH BÌNH	15/06	1003/06	30/6	NB 8828	CÁM 4A.1	2 760		2 760	DỞ		
6		CP THAN MIỀN NAM	17/06	1009/06	30/6	VIỆT THUẬN 095-02	CÁM 5A.1	4 600	1 836	2 765	DỞ		
							CÁM 4A.2	4 200	2 790	1 410	DỞ		
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						*25 442*		*25 442*			
1		ĐT TMDV VINACOMIN	18/06	953/05	30/06	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	GIA HẠN L1
2		DVVT QUẢNG NINH	02/06	955/05	17/06	BN 1879	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
3		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
4		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XÔ 1C	1 020		1 020			
5		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XÔ 1C	1 550		1 550		TD	
6		THAN SÔNG HỒNG	06/06	977/06		BN 2006	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	
7		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CÁM 5A.1	8 750		8 750			
9		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CÁN 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
10		XD CN MỎ		991/06		BN 1835	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
13		ĐẠM HÀ BẮC	16/06	1004/06	30/06	TĐ 98-4	CÁM 4A.1	2 300		2 300			
14		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CÁM1	1 530		1 530		TD	
15		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cám 4b.1	1 200		1 200		TD	
		ĐẠM HÀ BẮC	19/06	1011/06	30/06	TĐ 09-VT	CÁM 4A.1	2 352		2 352			
		Tàu chuyển tải						270 345	111 520	158 825			
		Tàu đang làm hàng						*149 195*	*111 520*	*37 675*			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	06/06	980/06		HẢI NAM 81	CÁM 6A.1	47 700	47 765	- 65	18/06		TTCO:24.771,78 - TTHG: 22.992,7
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	09/06	982/06		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 000	41 602	4 398	DỞ		TTCO: 26.002,32 - TTHG:20.000
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	06/06	974/06		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 5B.14	26 000	12 000	14 000	DỞ		TTHG:13.000 - KDT CP:13.000
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1		990/06		PACIFIC 01	CÁM 6A.1	27 700	9 653	18 047	DỞ		TTHG: 22.000 -KVCP:5.700
5		COALIMEX				HOÀNG PHƯƠNG 46	CÁM 2A.1	1 795	500	1 295	DỞ		
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						*121 150*		*121 150*			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 20 HÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		CP DK HÀ TĨNH	02/06	957/05	17/06	VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750		22 750			TTCO:22.750
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	06/06	976/06		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	25 500		25 500			TTCO:25.500
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	19/06	1012/06		QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800		22 800			
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/06	1013/06		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	29 600		29 600			TTCO: 18.600- CLM:5.000 - KDT CP:6.000
5		ĐIỆN VŨNG ÁNG	19/06	1014/06		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 5A.10	20 500		20 500			KVDB:6.000 -CLM:14.500
II		**KHO G9-HÓA CHẤT**						**35 525**	**3 531**	**31 994**			
		Tàu đã làm hàng						***3 579***	***3 531***	***48***			
1		CROMIT THANH HOÁ	19/6	878	30/6	HD - 1866	CÁM 8A	1 645	1 635	10	19/6	TD	
2		CP HÀNG HẢI VN	18/6	824	30/6	NB - 8881	CÁM 8A	904	895	9	19/6	TD	
3		CP ĐTTM&DV	18/6	821	30/6	BN - 1835	CỤC 1C	1 030	1 001	29	19/6	TD	
		Tàu đã làm lệnh						***31 946***		***31 946***			
1		CẦU ĐUỐNG	01/6	22	14/6	BN - 2269	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
2		CP DVVT QNINH	02/6	87	15/6	BN - 2646	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
3		CP DVVT QNINH	03/6	112	16/6	BN - 2556	CÁM 8A	1 650		1 650		TD	
4		CP ĐTTM&DV	03/6	125	16/6	BN - 2335	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	
5		CẦU ĐUỐNG	03/6	154	16/6	BN - 1468	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
6		MIỀN BẮC	04/6	191	17/6	BN - 2699	CÁM 7B	1 963		1 963		PT CB	
7		CP DVVT QNINH	18/6	193	30/6	HN 2422	CÁM 8A	2 100		2 100		TD	
8		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	04/6	197	17/6	BN - 1829	CÁM 8A	1 660		1 660		TD	
9		CP ĐTTM&DV	04/6	219	17/6	BN - 1299	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
10		CP ĐTTM&DV	04/6	220	17/6	BN - 0988	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
11		CẦU ĐUỐNG	04/6	221	17/6	BN - 1368	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
12		MIỀN BẮC	04/6	231	17/6	BN - 2189	CÁM 7B	1 400		1 400		PT CB	
13		CP ĐTTM&DV	04/6	232	17/6	BN - 1988	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
14		CẦU ĐUỐNG	05/6	244	19/6	BN - 0739	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
15		CẦU ĐUỐNG	06/6	292	20/6	BN - 0737	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
16		CP DVVT QNINH	08/6	385	23/6	BN - 2016	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
17		CP VT&KD THAN	10/6	473	25/6	BN - 0679	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
18		THANH HOÁ	12/6	562	27/6	BN - 1386	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
19		HÀ NAM NINH	12/6	567	27/6	BN - 2225	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
20		CP ĐTTM&DV	14/6	687B	29/6	BN - 2519	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
21		CP VT THUỶ	15/6	699	30/6	BN - 1865	CỤC 1A	1 234		1 234		TD	
22		XD CN MỎ	15/6	705	30/6	BN - 2395	CỤC 1B	1 300		1 300		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 20 HÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
23		SÔNG HỒNG	16/6	741	30/6	BN - 1746	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
24		XD CN MỎ	18/6	820	30/6	BN - 1883	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
25		CP HÀNG HẢI VN	18/6	823	30/6	HD - 5289	CÁM 8A	1 989		1 989		TD	
26		COALIMEX	19/6	872	30/6	BN - 2397	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
27		CP DVVT QNINH	19/6	874	30/6	BN - 1468	CỤC 1B	100		100		TD	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							-	-	-			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												
IV	**KHO CẢNG KM6**							**19 660**	**13 174**	**6 486**			
	Tàu đã làm hàng							***13 536***	***13 174***	***362***			
1		THAN SÔNG HỒNG	17/6	799	30/6	BN 1856	Don 8a	1 100	1 089	11	19/6	TD	
2		ĐIỆN VĨNH TÂN (PACFIC 01)	17/6	20	30/6	SƠN HẢI 10	Cám 6a.1	3 650	3 508	142	19/6		
3		KDT HẢI PHÒNG	18/6	832	30/6	HP 4845	Cám 5b.1	1 100	1 096	4	19/6	CBPT	
4		ĐIỆN VĨNH TÂN (PACFIC 01)	18/6	21	27/6	HD 2534	Cám 6a.1	2 380	2 199	181	19/6		
5		CROMIT CĐ THANH HÓA	19/6	843	30/6	KHÁNH MINH 79	Cám 6b.1	2 390	2 377	13	19/6	CBPT	
6		HẢI NAM 79	16/6	19	26/6	QN 1176	Cám 6a.1	2 916	2 905	11	19/6		
	Tàu đã làm lệnh							***6 124***		***6 124***			
1		CROMIT CĐ THANH HÓA	16/6	747	30/6	BN 2196	Don 8b	1 000		1 000		TD	
2		CBT QUẢNG NINH	17/6	800	30/6	QN 7565	Cám 5b.1	1 974		1 974		CBPT	
3		THAN MIỀN NAM	19/6	868	30/6	TRƯỜNG XUÂN 68	Cục 4a.2	1 400		1 400			
4							Cám 5a.1	1 750		1 750			
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**55 000**	**33 823**	**21 177**			
	Tàu đã làm hàng							***52 000***	***33 823***	***18 177***			
1		Nhật Bản	09/06	3 319		MV MIMOSA	CÁM 3B.1	27 000	27 500	- 500	19/6		TTCO:16.840 - TTHG:8.000 - KDT MIỀN BẮC:3.000
2		Nhật Bản	12/06	3426		MV PACIFIFC MELODY	CÁM 3B.1	25 000	6 323	18 677	DỞ		KVCP:16.000 - TTHG:9.000
	Tàu đã làm lệnh							***3 000***		***3 000***			
1		Hàn Quốc	19/6	21/6		KIMBERLY 1	Cục 4a.3	3 000		3 000			KVDB:3.000
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**50 000**	**49 725**	**275**			
	Tàu đã làm hàng							***50 000***	***49 725***	***275***			
1		ÚC	31/5	CLM		W-SMASH		20 000	20 260	- 260	19/6		
2		úC	31/5	CLM		CL LOUDI		20 000	20 115	- 115	19/6		
3		ÚC	31/5	CLM		NBA VERMEER		10 000	9 350	650	DỞ		
	Tàu đã làm lệnh												

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 20 HÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	